

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 Năm 2009

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Quý 2/2009		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	01	676,546,651,646	1,808,595,041,897	1,155,073,321,598	2,924,211,142,756
2	Các khoản giảm trừ	03	16,817,143	-	2,665,344,208	114,351,309
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	676,529,834,503	1,808,595,041,897	1,152,407,977,390	2,924,096,791,447
4	Giá vốn hàng bán	11	659,811,814,187	1,746,547,322,322	1,117,033,425,495	2,828,623,611,034
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	16,718,020,316	62,047,719,575	35,374,551,895	95,473,180,413
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,195,850,216	17,829,292,159	3,304,294,973	18,620,620,158
7	Chi phí tài chính	22	4,810,020,679	26,480,390,840	16,163,216,980	30,666,450,088
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	4,367,556,154	18,236,756,907	10,944,289,528	22,378,159,835
8	Chi phí bán hàng	24	5,466,598,348	14,246,091,649	9,549,660,387	22,657,329,311
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2,778,770,948	4,858,262,212	4,159,804,900	8,371,578,321
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30= 20+ (21-22) - (24+25)}	30	5,858,480,557	34,292,267,033	8,806,164,601	52,398,442,851
11	Thu nhập khác	31	207,884,443	493,205,744	341,700,032	898,928,123
12	Chi phí khác	32	-	1,935,875	3,029,522	1,935,875
13	Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40	207,884,443	491,269,869	338,670,510	896,992,248
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	6,066,365,000	34,783,536,902	9,144,835,111	53,295,435,099
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	530,806,937	4,869,695,166	800,173,072	7,461,360,914
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-		-	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60	5,535,558,063	29,913,841,736	8,344,662,039	45,834,074,185
18	Lãi cơ bản trên CP (đồng/CP)	70	264	1,424	397	2,183

Lập ngày 18 tháng 07 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc